TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:17/2018/HNGĐ-ST Ngày: 24/7/2018 "V/v Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con"	*Thanh Miện, ngày 24 tháng 7 năm 2018*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Thành.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Nghiêm
Ông Vương Quốc Quỹ.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Đào Quang Khuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.

- ***Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà***: Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc "*Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên toà số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên toà số 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1- ***Nguyên đơn***: Chị **Phạm Thị H** - sinh năm 1980
HKTT: thôn V, xã Q, huyện P, tỉnh HY.
Hiện trú tại số 31 đường LTP, phường TNP, quận 9, Thành phố H.

2- ***Bị đơn***: Anh **An Văn N** - sinh năm 1981
HKTT: thôn B, xã C, huyện T, tỉnh HD,

(Chị H có đơn xin xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh N được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 14/4/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được khoảng một tháng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thời gian tìm hiểu ngắn nên không hiểu hết tính cách, hoàn cảnh của nhau, mặt khác do anh N thường chơi bời cờ bạc, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến chị nên được một tháng chị đã bỏ về nhà đẻ ở. Được bố chồng sang tìm và động viên chị quay lại đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung

trong cuộc sống, tháng 10/2012 chị đã bỏ hẳn về nhà đẻ ở và sau đó vào miền Nam làm ăn, hàng năm chị có về nhà đẻ nhưng không sang nhà anh N. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hai bên không điện thoại và quan tâm đến nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị xin được ly hôn anh N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh N có một con chung là An Tiến H1, sinh ngày 14/3/2010 hiện đang ở cùng chị, cháu học hành ổn định và phát triển bình thường, nguyện vọng cháu mong muốn ở cùng chị vì vậy chị xin được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình làm việc với Toà án, bị đơn anh An Văn N trình bày:

Về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như chị H trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng nhà với bố mẹ anh. Tuy vậy vợ chồng chỉ hoà thuận được một tháng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng tìm hiểu thời gian có ba ngày, vì bố mẹ anh mới chấp nhận tìm hiểu và kết hôn với chị H nên hai bên không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống, chị H còn có ý định muốn đi nước ngoài làm ăn nhưng anh không đồng ý. Chính vì vậy được một tháng chị H đã bỏ về nhà đẻ, gia đình sang tìm mới về nhưng vợ chồng vẫn không có biện pháp khắc phục và luôn mâu thuẫn. Tháng 10/2012 chị H bỏ về nhà đẻ, đưa con đi và không quay lại đoàn tụ với anh, hai bên không quan tâm đến nhau, nay chị H có đơn xin ly hôn anh nhất trí với điều kiện anh phải được nuôi dưỡng con chung, anh xác định hiện tại anh có nhà đất ở ổn định, anh đi làm tự do thu nhập khoảng 9 triệu/tháng đủ khả năng nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: anh xác định không có tài sản chung, về nợ có nhưng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 238, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn anh N.

Về con chung: Xử giao chị H nuôi dưỡng con chung là An Tiến H1, sinh ngày 14/3/2010. Công nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H, anh N không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định. Quá trình thu thập chứng cứ, chị H, anh N đã có lời khai bày tỏ quan điểm về những vấn đề giải quyết trong vụ án nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Phạm Thị H và anh An Văn N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 14/4/2009, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng do thời gian tìm hiểu ngắn, anh N vì bố mẹ mà chấp nhận kết hôn với chị H dẫn đến vợ chồng không hợp nhau trong cách sống và công việc làm ăn, anh N còn thường xuyên rượu chè, thậm chí sa vào cờ bạc, chơi điện tử, không tu chí làm ăn, chị H cũng không quan tâm vun vén cuộc sống vợ chồng, hay bỏ về nhà đẻ là nguyên nhân vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ tháng 10/2012 chị H đưa con chung bỏ về nhà đẻ sau đó vào Nam làm ăn cho đến nay, không ai quan tâm đến ai chứng tỏ vợ chồng tình cảm không còn. Nay chị H xin ly hôn, anh N nhất trí cho thấy mâu thuẫn giữa chị H, anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị H được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H, anh N có một con chung là An Tiến H1, sinh ngày 14/3/2010, hiện cháu đang ở với chị H. Chị H xác định con chung ở với chị và bà ngoại ở trong Nam, cháu đi học khỏe mạnh và phát triển bình thường, chị đi làm công nhân lương tháng 6 đến 8 triệu, lại có mẹ đẻ giúp chị trông nom đón cháu, nguyện vọng của cháu cũng xin được ở với chị vì vậy chị không nhất trí để anh N nuôi dưỡng, chị cũng không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị. Về phía anh N xin được nuôi con chung mới nhất trí ly hôn, anh chứng minh anh có nhà đất ở, thu nhập cũng được 9 triệu một tháng, tuy vậy Toà án về xác minh với địa phương và ngay cả anh em trong gia đình anh đều xác định anh đi làm phụ xây nhưng không thường xuyên, thu nhập không ổn định, anh em không ai trao đổi hoặc điện thoại được với anh, trong khi cháu H1 đang ở cùng chị H ở trong Nam ổn định và có nguyện vọng ở với mẹ nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của anh N xin được nuôi con chung. Lời khai bà Quách Thị H2 là mẹ đẻ chị H xác định mẹ con chị H đang ở cùng với bà ở trong Nam, bà đủ khả năng hỗ trợ chị H trong việc đưa đón chăm sóc cháu H1. Xét điều kiện và khả năng chị H đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung vì vậy giao chị H nuôi dưỡng con chung, công nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung, vay nợ chung*: Chị H, anh N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị H khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1- Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh An Văn N.

2- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung An Tiến H1, sinh ngày 14/3/2010. Công nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H, anh N không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện theo biên lai số AB/2014/0004129 ngày 02/4/2018.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
đã ký

Bùi Xuân Thành

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Thanh Miện;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện Thanh Miện;*
- *UBND xã C;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi xuân Thành